

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN  
STANLEY HƯỚNG VIỆT**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT**

Số 8, phố Thiên Quang, quận Hai Bà Trưng  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>                                       | <b><u>TRANG</u></b> |
|--|---------------------|
| BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH                              | 1                   |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH | 2 - 3               |
| BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG            | 4                   |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH                  | 5 - 20              |



**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



**Phạm Vân Anh**  
Kế toán trưởng



**Phan Thị Thu Phương**  
Kiểm soát nội bộ



**Tô Minh Hường**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2018

Số: 182 /VN1A-HN-BC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hường Việt**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hường Việt (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 02 tháng 8 năm 2018, từ trang 4 đến trang 20. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập theo quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính ("Thông tư 87/2017/TT-BTC") quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách được áp dụng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 phù hợp với các quy định về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

### *Chính sách lập báo cáo và giới hạn về mục đích sử dụng báo cáo kiểm toán*

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính mô tả chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính. Vì thế, báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.



**Khúc Thị Lan Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0036-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 02 tháng 8 năm 2018  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Quỳnh Hoa**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0910-2018-001-1

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

| STT | Các chỉ tiêu                              | Thuyết minh | 30/6/2018              |
|-----|---|-------------|------------------------|
| 1   | Tổng giá trị rủi ro thị trường            | 4           | 11.706.772             |
| 2   | Tổng giá trị rủi ro thanh toán            | 5           | 26.180.877.132         |
| 3   | Tổng giá trị rủi ro hoạt động             | 6           | 60.000.000.000         |
| 4   | <b>Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)</b>      |             | <b>86.192.583.904</b>  |
| 5   | <b>Vốn khả dụng</b>                       | 7           | <b>354.285.004.213</b> |
| 6   | <b>Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)</b> |             | <b>411%</b>            |

**Phạm Vân Anh**  
Kế toán trưởng

Ngày 02 tháng 8 năm 2018

**Phan Thị Thu Phương**  
Kiểm soát nội bộ**Tô Minh Hương**  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT

Số 8, phố Thiên Quang, quận Hai Bà Trưng  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Morgan Stanley Hướng Việt (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103015277 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/UBCKNN-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 120/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05 tháng 02 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 337/UBCK-GPĐC ngày 29 tháng 6 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 21 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 21 người).

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

##### Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

##### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

|                           |          |
|---------------------------|----------|
| Ông Ong Whatt Soon Ronald | Chủ tịch |
| Bà Tô Minh Hương          | Ủy viên  |
| Bà Nguyễn Thị Nhung       | Ủy viên  |
| Ông Kapil Trikha          | Ủy viên  |

##### Ban Giám đốc

|                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| Bà Tô Minh Hương     | Tổng Giám đốc     |
| Bà Ngô Thị Hồng Hạnh | Phó Tổng Giám đốc |

##### Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hoạt động chính của Công ty theo giấy phép kinh doanh là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Tuy nhiên, do tình hình thị trường chứng khoán những năm gần đây tại Việt Nam, Công ty gần như không có nguồn thu từ các hoạt động chính. Nguồn thu chủ yếu để duy trì hoạt động của Công ty là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH, NĂM TÀI CHÍNH VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

##### Cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và mục đích sử dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ("Thông tư số 87/2017/TT-BTC") ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này chỉ được sử dụng để nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính này.

**Tỷ lệ vốn khả dụng**

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

**Vốn khả dụng**

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày. Vốn khả dụng được điều chỉnh tăng thêm hoặc giảm trừ theo hướng dẫn tại Điều 5, 7 của Thông tư số 87/2017/TT-BTC.

**Giá trị rủi ro thị trường**

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị thị trường được xác định theo quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Trong đó vị thế ròng đối với một chứng khoán tại một thời điểm là số lượng chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ, sau khi điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty không xác định giá trị rủi ro thị trường cho các chứng khoán, tài sản sau:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; Chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

**Giá tài sản**

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá được quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC như sau:

| STT   | Loại tài sản   | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường   |
|---|--|---|
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b> |  |   |
| 1.  | Tiền (VND)   | Số dư tài khoản tại ngày tính toán  |
| 2.  | Ngoại tệ   | Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán. |
| 3.  | Tiền gửi kỳ hạn  | Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày tính toán.  |
| 4.  | Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu | Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày tính toán.  |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Giá trị rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

**Giá tài sản (Tiếp theo)**

| STT               | Loại tài sản              | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường   |
|-------------------|---------------------------|---|
| <b>Trái phiếu</b> |                           |   |
| 5.                | Trái phiếu niêm yết       | <p>- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế.</p> <p>Tức là: Max (Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế).</p> |
| 6.                | Trái phiếu không niêm yết | <p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <p>+ Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn, cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế.</p> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá yết (nếu có); Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế).</p>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Giá trị rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

**Giá tài sản (Tiếp theo)**

| STT             | Loại tài sản   | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường  |
|-----------------|--|--|
| <b>Cổ phiếu</b> |  |  |
| 7.              | Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua;</li> <li>+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</li> </ul> </li> <li>Tức là:</li> <li>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</li> </ul> |
| 8.              | Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua;</li> <li>+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</li> </ul> </li> <li>Tức là:</li> <li>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</li> </ul> |
| 9.              | Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua;</li> <li>+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</li> </ul> </li> <li>Tức là:</li> <li>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</li> </ul> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Giá trị rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

**Giá tài sản (Tiếp theo)**

| STT                         | Loại tài sản   | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường  |
|-----------------------------|--|--|
| <b>Cổ phiếu (Tiếp theo)</b> |  |  |
| 10.                         | Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch      | <p>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.</p> <p>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá từ các báo giá;</li> <li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất;</li> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua;</li> <li>+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</li> </ul> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán).</p> |
| 11.                         | Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch | <p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Mệnh giá;</li> <li>+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</li> </ul> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</p>  |
| 12.                         | Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản                      | <p>80% Giá trị thanh lý của cổ phiếu đó (giá cổ phiếu được chia do tổ chức giải thể, phá sản công bố hoặc giá trị sổ sách) tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</p>   |
| 13.                         | Cổ phần, phần vốn góp khác   | <p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua/giá trị vốn góp;</li> <li>+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</li> </ul> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua/giá trị vốn góp; Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán).</p>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Giá trị rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

**Giá tài sản (Tiếp theo)**

| STT  | Loại tài sản   | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường  |
|--|--|--|
| <b>Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán</b> |  |  |
| 14.  | Quỹ đóng đại chúng/<br>Quỹ ETF   | - Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;<br>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán là: NAV/1CCQ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.   |
| 15.  | Quỹ thành viên/Quỹ mở/<br>cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ | Giá trị tài sản ròng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.  |
| 16.  | Các trường hợp khác  | Theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.   |
| <b>Tài sản cố định</b>                             |  |  |
| 17.  | Quyền sử dụng đất...   | Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn.   |
| 18.  | Nhà cửa/vật kiến trúc bao gồm cả các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang                | Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn/chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế.  |
| 19.  | Các trang thiết bị, máy móc, phương tiện...  | Giá trị còn lại của tài sản.   |
| 20.  | Các tài sản cố định khác   | Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn.   |
| <b>Chứng khoán khác</b>                            |  |  |
| 21.  | Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức kinh doanh chứng khoán khác phát hành              | - Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;<br>- Giá mua (nếu chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết).  |
| 22.  | Cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài   | - Giá (theo đồng ngoại tệ) x tỷ giá chuyển đổi sang đồng tại ngày tính toán<br>- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;<br>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<br>+ Giá trị sổ sách;<br>+ Giá mua;<br>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.<br>Tức là:<br>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ). |

**Hệ số rủi ro thị trường**

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC được trình bày ở Thuyết minh số 4.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

***Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm***

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định theo quy định sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi nếu phát sinh (đối với chứng khoán), hoặc lãi cho vay (đối với tiền gửi và các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá) được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định rủi ro thị trường.

***Giá trị rủi ro thanh toán***

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Nguyên tắc xác định rủi ro thanh toán trước thời hạn trên đây được áp dụng cho các hợp đồng sau đây:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác;
- Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Các khoản phải thu trong hạn của tổ chức kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu cho khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán.

Đối với các khoản phải thu quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng nói trên, giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Giá trị rủi ro thanh toán (Tiếp theo)**

**Hệ số rủi ro thanh toán**

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC như sau:

| STT | Đối tác thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán  | Hệ số rủi ro thanh toán |
|-----|--|-------------------------|
| 1.  | Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;                    | 0%                      |
| 2.  | Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán   | 0,8%                    |
| 3.  | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán                          | 3,2%                    |
| 4.  | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán | 4,8%                    |
| 5.  | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam  | 6%                      |
| 6.  | Các tổ chức, cá nhân khác  | 8%                      |

Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian được quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC như sau:

| STT | Thời gian quá hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán               | Hệ số rủi ro |
|-----|---|--------------|
| 1.  | 0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán          | 16%          |
| 2.  | 16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán         | 32%          |
| 3.  | 31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán         | 48%          |
| 4.  | Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán | 100%         |

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán theo quy định về chứng khoán phái sinh (đối với chứng khoán phái sinh), là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n theo thỏa thuận của hai bên).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Giá trị rủi ro thanh toán (Tiếp theo)**

**Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán**

*Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại*

| <b>STT</b> | <b>Loại hình giao dịch</b>   | <b>Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán</b>  |
|------------|--|---|
| 1.         | Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm  | Toàn bộ giá trị khoản cho vay   |
| 2.         | Cho vay chứng khoán  | Max {Giá trị thị trường của hợp đồng - Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có),0}                                  |
| 3.         | Vay chứng khoán  | Max {Giá trị tài sản đảm bảo - Giá trị thị trường của hợp đồng,0}   |
| 4.         | Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại  | Max {Giá trị hợp đồng tính theo giá mua - Giá trị thị trường của hợp đồng * (1- hệ số rủi ro thị trường),0} |
| 5.         | Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại  | Max {Giá trị thị trường của hợp đồng * (1- hệ số rủi ro thị trường) - Giá trị hợp đồng tính theo giá bán,0} |
| 6.         | Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất | Max {Số dư nợ - Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có),0}   |

Số dư nợ bao gồm giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí;

Trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Giá trị rủi ro thanh toán (Tiếp theo)**

**Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (Tiếp theo)**

*Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán*

| STT  | Thời gian                                   | Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro   |
|--|---|--|
| <b>A - Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong hoạt động môi giới)</b> |   |  |
| 1.   | Trước thời hạn nhận thanh toán              | 0  |
| 2.   | Sau thời hạn nhận thanh toán                | Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) |
|  |   | 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)                                |
| <b>B - Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán)</b>                          |   |  |
| 1.   | Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán | 0  |
| 2.   | Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán   | Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)  |
|  |   | 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)                                |

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán quy định về chứng khoán phái sinh (đối với chứng khoán phái sinh), là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết; hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n theo thỏa thuận của hai bên).

*Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán đối với các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn: là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).*

**Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán**

Công ty được điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 87/2017/TT-BTC trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;

b) Tổ chức kinh doanh chứng khoán có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản bảo đảm được giảm trừ được xác định như sau:

*Giá trị tài sản bảo đảm = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 - Hệ số rủi ro thị trường)*

*Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC được trình bày ở Giá trị rủi ro thị trường trong Thuyết minh số 3.*

*Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC được trình bày ở Thuyết minh số 4.*



**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Giá trị rủi ro thanh toán (Tiếp theo)**

***Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm***

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- a) Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu;
- b) Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu;
- c) Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

**Giá trị rủi ro hoạt động**

*Giá trị rủi ro hoạt động* là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định là giá trị lớn nhất của các giá trị sau: 25% chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

Chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- a) Chi phí khấu hao;
- b) Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp;
- c) Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn;
- d) Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu;
- e) Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**4. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

| Các hạng mục đầu tư<br>tại ngày 30 tháng 6 năm 2018                      |   | Hệ số<br>rủi ro | Quy mô rủi ro |            | Giá trị rủi ro    |   |
|--|---|-----------------|---------------|------------|-------------------|---|
|  |   |                 | VND           |            | VND               |   |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b> |   |                 |               |            |                   |   |
| 1  | Tiền  | 0%              | 410.096.242   | -          | -                 | - |
| 2  | Các khoản tương đương tiền  | 0%              | -             | -          | -                 | - |
| <b>II. Cổ phiếu</b>  |   |                 |               |            |                   |   |
| 1  | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở | 10%             | 102.881.570   | 10.288.157 |                   |   |
| 2  | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội                        | 15%             | 2.081.700     | 312.255    |                   |   |
| 3  | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom           | 20%             | 606.800       | 121.360    |                   |   |
| <b>III. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>                             |   |                 |               |            |                   |   |
| 1  | Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch  | 50%             | 1.970.000     | 985.000    |                   |   |
| <b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III)</b>                   |   |                 |               |            | <b>11.706.772</b> |   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN**

| Loại hình giao dịch  | Giá trị rủi ro        |                      | Tổng giá trị          |
|--|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|  | (5)                   |                      | rủi ro                |
|  | VND                   |                      | VND                   |
| <b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>                                     |                       |                      |                       |
| 1 Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm           | 21.292.186.256        |                      | 21.292.186.256        |
|  | <b>21.292.186.256</b> |                      | <b>21.292.186.256</b> |
| <b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>                                      |                       |                      |                       |
| <b>Thời gian quá hạn</b>   | <b>Hệ số rủi ro</b>   | <b>Quy mô rủi ro</b> | <b>Giá trị rủi ro</b> |
| 1. 0 – 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán                | 16%                   | -                    | -                     |
| 2. 16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán               | 32%                   | -                    | -                     |
| 3. 31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán               | 48%                   | -                    | -                     |
| 4. Từ 60 ngày trở đi   | 100%                  | -                    | -                     |
|  |                       | -                    | -                     |
| <b>III. Rủi ro tăng thêm</b>   |                       |                      |                       |
| <b>Chi tiết tới từng khoản vay, chi tiết theo từng đối tác</b>                 | <b>Mức tăng thêm</b>  | <b>Quy mô rủi ro</b> | <b>Giá trị rủi ro</b> |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam          | 0%                    | 1.717.423.546        | -                     |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam         | 0%                    | 1.157.796.319        | -                     |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng - Ngân hàng Maybank Việt Nam                   | 30%                   | 13.665.636.254       | 4.099.690.876         |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 20%                   | 3.945.000.000        | 789.000.000           |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng - Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) | 0%                    | 806.330.137          | -                     |
|  |                       |                      | <b>4.888.690.876</b>  |
| <b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)</b>                         |                       |                      | <b>26.180.877.132</b> |

(5) Giá trị rủi ro thanh toán đối với tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Giá trị rủi ro thanh toán được điều chỉnh tăng thêm với các trường hợp sau:

- a) Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- b) Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- c) Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

**6. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị: VND

| <b>RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)</b>             | <b>Giá trị</b>         |
|--|------------------------|
| <b>I. Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng</b> | <b>19.485.115.125</b>  |
| <b>II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</b>                | <b>(2.361.571.410)</b> |
| 1. Chi phí khấu hao  | 108.437.520            |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn               | (2.470.008.930)        |
| <b>III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)</b>       | <b>21.846.686.535</b>  |
| <b>IV. 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)</b>    | <b>5.461.671.634</b>   |
| <b>V. 20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán</b> | <b>60.000.000.000</b>  |
| <b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})</b>        | <b>60.000.000.000</b>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**7. VỐN KHẢ DỤNG**

Đơn vị: VND

| STT                                   | NỘI DUNG  | Vốn khả dụng           |                      |                   |
|---------------------------------------|---|------------------------|----------------------|-------------------|
|                                       |   | Vốn khả dụng           | Khoản giảm trừ       | Khoản tăng thêm   |
| <b>A. Nguồn vốn</b>                   |   |                        |                      |                   |
| 1.                                    | Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)   | 300.000.000.000        | -                    | -                 |
| 2.                                    | Quỹ dự trữ điều lệ  | 3.067.491.977          | -                    | -                 |
| 3.                                    | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ  | 3.067.491.976          | -                    | -                 |
| 4.                                    | Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật (i) | 54.204.698.129         | -                    | -                 |
| 5.                                    | Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính                               | -                      | 9.714.770            | 87.550.490        |
| <b>1A.</b>                            | <b>Tổng</b>   | <b>360.339.682.082</b> | <b>9.714.770</b>     | <b>87.550.490</b> |
| <b>B. Tài sản ngắn hạn</b>            |   |                        |                      |                   |
| <b>I. Các khoản phải thu ngắn hạn</b> |   |                        |                      |                   |
| 1.                                    | Trả trước cho người bán   | -                      | 113.750.000          | -                 |
| 2.                                    | Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày   | -                      | 4.026.364.086        | -                 |
| <b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>      |   |                        |                      |                   |
| 1.                                    | Chi phí trả trước ngắn hạn  | -                      | 715.349.428          | -                 |
| 2.                                    | Tài sản ngắn hạn khác   | -                      | -                    | -                 |
| <b>1B.</b>                            | <b>Tổng</b>   | <b>-</b>               | <b>4.855.463.514</b> | <b>-</b>          |
| <b>C. Tài sản dài hạn</b>             |   |                        |                      |                   |
| <b>I. Tài sản cố định</b>             |   |                        |                      |                   |
|                                       |   | -                      | 107.876.794          | -                 |
| <b>II. Tài sản dài hạn khác</b>       |   |                        |                      |                   |
|                                       |   | -                      | 1.169.173.281        | -                 |
| <b>1C.</b>                            | <b>Tổng</b>   | <b>-</b>               | <b>1.277.050.075</b> | <b>-</b>          |
| <b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C</b>        |   | <b>354.285.004.213</b> |                      |                   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MORGAN STANLEY HƯỚNG VIỆT  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(i) Lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật:

|   | <b>30/6/2018</b>      |
|---|-----------------------|
|   | <b>VND</b>            |
| <b>Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối</b> | <b>54.194.983.359</b> |
| <b>Cộng số dư các khoản dự phòng</b>                | <b>9.714.770</b>      |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn                   | 9.714.770             |
|   | <b>54.204.698.129</b> |



**Phạm Vân Anh**  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2018



**Phan Thị Thu Phương**  
Kiểm soát nội bộ



**Tô Minh Hương**  
Tổng Giám đốc